

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 10 - 2021
V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Châu Hoàng Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa:
Ông Lê Vũ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1979

Địa chỉ cư trú: ấp 7, xã KA, huyện U M, tỉnh CM (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978

Địa chỉ cư trú: ấp 7, xã KA, huyện U M, tỉnh CM (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08/4/2021 và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Tr trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị N chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ có biểu hiện bệnh nhưng không rõ bệnh gì mà đòi thờ cúng tiên, phạt nên có hành động bất thường hay cáu gắt, chửi bới những người trong gia đình và

bỏ về cha mẹ ruột ở, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, thường cự cãi nhau, không hàn gắn được và ngày càng trầm trọng và đã ly thân, ông Tr yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Có ba con chung là Nguyễn Thanh S, sinh ngày 10/01/1999, Nguyễn Thị Diễm Th, sinh ngày 03/01/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét giải quyết và Nguyễn Yến N, sinh ngày 05/7/2019, hiện tại cháu N đang sống chung với bà N, sau khi ly hôn ông Tr yêu cầu nếu bà N không nuôi thì để ông Tr nuôi, trường hợp giao cháu N cho bà N nuôi thì ông không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của bà N, lý do ông phải đi làm thuê thu nhập bấp bênh, lại phải lo cho người con lớn đi học Đại học.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 24/6/2021 bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà N và ông Tr chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng do thời gian gần đây bà bị bệnh sức khỏe yếu không lao động được nên ảnh hưởng đến việc lao động và chăm lo gia đình bên chồng, bà N đồng ý ly hôn với ông Trạng.

Về con chung: Có ba con chung là Nguyễn Thanh S, sinh ngày 10/01/1999, Nguyễn Thị Diễm Th, sinh ngày 03/01/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét giải quyết và Nguyễn Yến N, sinh ngày 05/7/2019, hiện tại cháu N đang sống chung với bà N, sau khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết đề nghị áp dụng các Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Tr và bà N; Về con chung, giao cháu N cho bà N nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Buộc ông Tr cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 750.000 đồng, cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung không có không xem xét; Về án phí: áp dụng khoản 4 Điều 147 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung đối với bà Nguyễn Thị N, địa chỉ cư trú ấp 7, xã KA, huyện U M, tỉnh CM, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1998. Trong quá trình chung sống giữa ông Tr và bà N xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân, Ông Tr và bà N cùng đồng ý ly hôn nhau. Tuy nhiên giữa ông Tr và bà N chung sống vợ chồng với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo Luật hôn nhân và gia đình tại khoản 1 Điều 14 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*” và tại khoản 2 Điều 53 quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Tr với bà Nguyễn Thị N.

[3] Về con chung:

Người con chung tên Nguyễn Thanh S và Nguyễn Thị Diễm Th đã trưởng thành nên không xem xét.

Riêng cháu Nguyễn Yên N, sinh ngày 05/7/2019, xét thấy, cháu N dưới 36 tháng tuổi, hiện tại cháu N đang sống chung với bà N, bà N cũng đảm bảo có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N nên tiếp tục giao cháu N cho bà N nuôi dưỡng là đảm bảo cho cháu có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý, tình cảm và cũng phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu N không ai được cản trở.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Yên N mỗi tháng 2.000.000 đồng, ông Tr không đồng ý và cho rằng ông làm thuê thu nhập bấp bênh nên yêu cầu cấp dưỡng của bà N là cao, ông không có khả năng. Theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Nguyễn Văn Tr cấp dưỡng nuôi cháu Ni so với thu nhập của ông Tr là cao nên có điều chỉnh lại, buộc ông Tr cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 750.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 27/10/2021, cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị N cùng thống nhất không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị N cùng thống nhất không có nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm ông Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000 đồng và ông Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, ông Tr đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010013 ngày 08/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu, ông Tr phải nộp tiếp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Tr với bà Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Yên N, sinh ngày 05/7/2019 cho bà Nguyễn Thị N nuôi dưỡng, cháu N đang do bà N nuôi dưỡng, bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Yên N không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Văn Tr cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Yên N, sinh ngày 05/7/2019 mỗi tháng 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 27/10/2021, cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn Tr chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông Tr còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí:

+ Án phí ông Nguyễn Văn Tr phải chịu 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, ông Tr đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010013 ngày 08/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đổi trừ chuyển thu, ông Tr phải nộp tiếp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

+ Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyễn

